

Số: /BC-UBND

Quảng Xương, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh năm 2020; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2021

Thực hiện Công văn số 286/VPĐP-THKH&HC ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Văn phòng điều phối vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Thanh Hóa về việc báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh năm 2020; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2021; Ủy ban nhân dân huyện Quảng Xương báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn huyện như sau:

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

- Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 04-NQ/TU của UBND huyện, UBND các xã, phường, thị trấn.

- Ban hành các chương trình hành động, văn bản chỉ đạo điều hành (Kế hoạch, Quyết định, Chỉ thị, giao chỉ tiêu ATTP...), văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của các sở, ngành, đơn vị, UBND huyện.

- Ban hành các văn bản tổ chức triển khai thực hiện của UBND xã, phường, thị trấn.

(Có bảng tổng hợp tại phụ lục 01 kèm theo)

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao năm 2020

- Chỉ tiêu thực phẩm tiêu dùng thông qua các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

+ Tổng khối lượng thực phẩm tiêu dùng chủ yếu thông qua các chuỗi cung ứng thực phẩm được giao là: Gạo 7.602 tấn; rau, quả 4.002 tấn; thịt gia súc, gia cầm 1.798 tấn; thủy sản (tôm, cá) 1.360 tấn.

+ Tổng khối lượng đã thực hiện: Gạo 7.602 tấn (100%); rau, quả 4.002 tấn (100%); thịt gia súc, gia cầm 1.798 tấn (100%); thủy sản (tôm, cá) 1.360 tấn (100%).

+ 90% sản phẩm sản xuất, chế biến theo mô hình sản xuất lớn, tập trung đáp ứng quy định về VSATTP.

+ 75 % trở lên sản phẩm tiêu dùng trên địa bàn huyện được cung cấp thông qua các chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng sản phẩm an toàn có xác nhận.

+ 85% trở lên cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm đáp ứng quy định về điều kiện VSATTP.

+ Tỷ lệ 84 % sản phẩm thực phẩm cung ứng từ ngoài huyện vào trong huyện được kiểm soát, đáp ứng các quy định về VSATTP.

- Chỉ tiêu xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn

Tổng số chuỗi được giao: 15 chuỗi, số chuỗi đã hoàn thành 15 chuỗi (Chuỗi liên kết sản xuất lúa gạo 03 chuỗi; sản xuất rau, quả an toàn trong nhà lưới theo tiêu chuẩn VietGAP 02 chuỗi; chăn nuôi thỏ, vịt theo tiêu chuẩn VietGAP, GMP 05 chuỗi; chuỗi nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản 05 chuỗi)

(Có bảng biểu 02 kèm theo).

- Chỉ tiêu xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm ATTP.

+ Chỉ tiêu được giao: 01 cơ sở

+ Chỉ tiêu đã thực hiện: 01 cơ sở

STT	Tên cơ sở	Hộ xây dựng - Địa chỉ	Thời gian hoàn thành
1	Cơ sở giết mổ gia súc an toàn thực phẩm	Lê Xuân Quảng - xã Quảng Khê	Tháng 10/2020

- Chỉ tiêu được giao: 16 chợ

+ Đã hoàn thành 15 chợ (Chợ Sòng xã Quảng Long, Chợ Trời xã Quảng Văn, Chợ Lăng xã Quảng Yên, Chợ Quảng Đức, Chợ Cổng trúc xã Quảng Bình, Chợ SoTo xã Tiên Trang, Chợ Mom xã Quảng Nham, chợ Đình – xã Quảng Lộc, chợ Đại – xã Quảng Hải, Chợ Trung Tâm-xã Quảng Thái, chợ Bùi - xã Quảng Giao, chợ Lý - xã Quảng Hợp, chợ Quảng Nguyễn – xã Quảng Hòa.)

+ Chợ Quảng Thạch – xã Quảng Thạch sẽ hoàn thành vào tháng 12/2020

- Chỉ tiêu xây dựng cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn

+ Chỉ tiêu được giao: 06 cửa hàng

+ Chỉ tiêu đã thực hiện: 06 cửa hàng

Cửa hàng Thẩm Hằng, thôn Ước Thành xã Quảng Ninh, kinh doanh thực phẩm đóng bao bì sẵn, rau, củ, quả.

Cửa hàng Queenfarm, lô 19-120 KĐT mới, đường Tân Trạch thị trấn Tân Phong, kinh doanh thực phẩm rau, củ, quả.

Cửa hàng Chương Phong, thôn thôn Thượng Đình 1, xã Quảng Định, kinh doanh thực phẩm đóng bao bì sẵn, rau, củ, quả.

Cửa hàng Thẩm Tuấn Thu, thôn 06 xã Quảng Nhân, kinh doanh thực phẩm đóng bao bì sẵn, rau, củ, quả.

Cửa hàng kinh doanh thực phẩm đóng bao bì sẵn, rau, củ, quả xã Quảng Khê.

- 100% bếp ăn tập thể của các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, nhà hàng, khách sạn, của hàng ăn uống đáp ứng quy định về VSATTP.

- Chỉ tiêu xây dựng xã, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm theo công văn số 2173/UBND-NN (Có bảng phụ lục 03 kèm theo)

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao về ATTP trong chương trình công tác của UBND tỉnh, Kế hoạch hoạt động của BCD về quản lý vệ sinh ATTP tỉnh:

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề án được giao về ATTP trong chương trình công tác của UBND tỉnh kèm theo Quyết định số 20/QĐ- UBND ngày 03/01/2020 của UBND tỉnh; kế hoạch số 12/KH – BCD, ngày 14/01/2020 về hoạt động của BCD về quản lý vệ sinh ATTP tỉnh năm 2020, cụ thể:

- Số nhiệm vụ, đề án được giao, số nhiệm vụ, đề án đã hoàn thành; chất lượng, tiến độ hoàn hành theo Chương trình công tác của UBND tỉnh và kế hoạch hoạt động của BCD về quản lý vệ sinh ATTP tỉnh:

Theo QĐ 20/QĐ- UBND, ngày 03/01/2020 của UBND tỉnh, Huyện Hoằng Hóa không có đề án về ATTP, các nhiệm vụ được giao theo KH số 12/KH – BCD, ngày 14/01/2020, huyện đang triển khai thực hiện.

3. Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm

- * Công tác thông tin, tuyên truyền:
- * Đào tạo tập huấn, phổ biến kiến thức:
(Có phụ lục 04 kèm theo)

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về VSATTP

4.1. Quản lý điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm quý III/2020:

- * Tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý
- Cấp huyện: 370 cơ sở, trong đó:
 - + Kinh doanh dịch vụ ăn uống : 49 cơ sở.
 - + Sản xuất chế biến: 41 cơ sở.
 - + Thức ăn đường phố : 155 cơ sở.
 - + Bếp ăn bán trú và bếp ăn tập thể : 36 bếp
 - + Sản xuất nước uống đóng chai 4 cơ sở
 - + Kinh doanh bánh kẹo, đường, sữa 85 cơ sở .
- Cấp xã Quản lý: 1869 cơ sở.
- * Số cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm:
- Tổng số cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

360 cơ sở;

- Tổng số cơ sở ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm: 2.455 cơ sở;
- Kết quả cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm: 1.889 cơ sở;
- Kết quả cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm: Chưa
- Kết quả cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy: Chưa
- Kết quả cấp giấy xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP: Chưa
- Kết quả tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm: Không

4.2. Kết quả kiểm tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm.

- * Việc thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành, chuyên ngành về ATTP:

- Đối với huyện:
 - + Số đoàn thanh tra, kiểm tra: 05 đoàn
 - + Số đợt thanh tra, kiểm tra: 04 đợt
- Đối với xã:
 - + Số đoàn thanh tra. Kiểm tra: 96 đoàn
 - + Số đợt thanh tra, kiểm tra: 96 đợt

- * Kết quả thanh tra, kiểm tra:

- Đối với huyện: Tổng số cơ sở được kiểm tra 360 cơ sở.

Trong đó:

- + Dịch vụ ăn uống 160 cơ sở
- + Sản xuất thực phẩm, chế biến : 40 cơ sở
- + Bánh kẹo, đường, sữa, rượu, bia, nước giải khát: 160 cơ sở
- + Xử lý vi phạm: không
- Đối với xã: Tổng số cơ sở được kiểm tra: 2.455 cơ sở.

* Kết quả giám sát an toàn thực phẩm: Tổng số mẫu giám sát: 220 mẫu, Số mẫu đạt yêu cầu 148 mẫu, số mẫu không đạt yêu cầu 06.

* Tình hình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về ATTP thông qua đường dây nóng: Trên địa bàn huyện 9 tháng đầu năm 2020 đường dây nóng chưa có phản ánh về công tác VS ATTP.

- Kết quả ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn của các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ: 2.455 cơ sở sản xuất, kinh doanh ban đầu nhỏ lẻ.

- Kết quả cấp giấy xác nhận nguồn gốc xuất xứ đối với sản phẩm thực phẩm theo Quyết định số 91/QĐ-SNNPTNT ngày 14/2/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT và Công văn số 2731/SCT-KT&ATCN ngày 17/10/2016 của Sở Công Thương:

+ Tổng số cơ sở được cấp: 3.855 cơ sở

+ Số lượt cấp: 25.000 lượt.

+ Tổng khối lượng đã thực hiện: Gạo 7.602 tấn; rau, quả 4.002 tấn; thịt gia súc, gia cầm 1.798 tấn; thủy sản (tôm, cá) 1.360 tấn.

- Công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm:

+ Kết quả triển khai các nhiệm vụ phòng chống ngộ độc thực phẩm: Có kế hoạch triển khai hàng năm vào dịp trước, trong và sau tết; tháng hành động an toàn thực phẩm, tết trung thu.

+ Số vụ ngộ độc thực phẩm: không

5. Kiện toàn tổ chức, bộ máy quản lý an toàn thực phẩm

(Có bảng tổng hợp tại phụ lục 06 kèm theo)

6. Tăng cường nguồn lực cho công tác đảm bảo an toàn thực phẩm

(Có bảng tổng hợp tại phụ lục 07 kèm theo)

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và tăng cường nguồn lực cho công tác đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan quản lý an toàn thực phẩm cấp huyện, xã

- Đầu tư nâng cao năng lực phân tích, kiểm nghiệm, chứng nhận chất lượng sản phẩm thực phẩm.

- Đầu tư thiết bị kiểm nghiệm nhanh tại hiện trường cho các cơ quan quản lý ATTP từ cấp huyện đến cấp xã, cho tổ chức, cá nhân quản lý chợ.

- Việc kiện toàn tổ chức, bộ máy: Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm cấp huyện, xã; Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm cấp huyện; Ban Nông nghiệp xã.

+ Cấp huyện: Năm 2019 đã kiện toàn Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm cấp huyện, văn phòng điều phối huyện.

+ Cấp xã: Đã kiện toàn Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm các xã, thị trấn.

- Kết quả thành lập tổ giám sát cộng đồng thôn/bản/phố: Số lượng tổ giám sát cộng đồng thôn/bản/phố được thành lập; kết quả hoạt động: Đã có 30 tổ giám sát cộng đồng được thành lập, các tổ đã hoạt động có kế hoạch và đạt hiệu quả cao.

- Kết quả thành lập các tổ giám sát an toàn tại chợ: Số lượng tổ giám sát an toàn tại chợ 24 tổ được thành lập, kết quả hoạt động tốt.

7. Kết quả phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội trong công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm huyện đã phối hợp với Hội phụ nữ huyện, mặt trận tổ quốc huyện, ban dân vận, thông qua các ban ,ngành các cấp hội tổ chức tuyên truyền vận động người sản xuất, kinh doanh ký cam kết sản xuất, kinh doanh các sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm.

8. Đánh giá chung

Đến 22/11/2020 việc thực hiện Nghị quyết 04- NQ/TU, cùng với sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Văn phòng điều phối VSATTP tỉnh và sự lãnh đạo, chỉ đạo của UBND huyện nên công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đã có những chuyển biến tích cực. Sự vào cuộc của các cấp, các ngành, các địa phương đặc biệt là đã nâng cao nhận thức, ý thức của người dân, của người tiêu dùng trong việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; vì vậy huyện Quảng Xương không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm. Đó là dấu hiệu tích cực và phát huy trong những năm tới cần làm tốt hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền để công tác an toàn vệ sinh thực phẩm thấm sâu vào ý thức, nhận thức của quần chúng nhân dân.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

- Công tác giáo dục truyền thông về ATTP chưa thường xuyên liên tục; nội dung, hình thức tuyên truyền chưa đa dạng, phong phú; một bộ phận người sản xuất chế biến kinh doanh thực phẩm thiếu ý thức tự giác chấp hành luật pháp về ATTP; quan niệm của một bộ phận lớn người tiêu dùng còn dễ dãi, chủ quan.

- Công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập do đội ngũ cán bộ còn thiếu, các điều kiện trang thiết bị phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP còn thiếu và chưa đồng bộ; kiểm soát thực phẩm lưu thông trên thị trường; kiểm soát giết mổ gia súc gia cầm tập trung còn gặp nhiều khó khăn và chưa hiệu quả.

- Ngộ độc thực phẩm ngày càng diễn biến phức tạp nhất là vẫn có nguy cơ xảy ra tại các bếp ăn tập thể, các bữa ăn trong khi tổ chức hiếu hỷ, việc kiểm soát các nguyên liệu đầu vào còn gặp nhiều khó khăn. Chưa chủ động quản lý được nguy cơ ô nhiễm theo chuỗi cung cấp thực phẩm.

- Mặc dù công tác thanh tra, kiểm tra ATTP được đẩy mạnh, tuy nhiên việc phát hiện vi phạm còn gặp rất nhiều khó khăn. Việc thanh tra, kiểm tra đột xuất chưa nhiều,

- Các cơ sở thực phẩm đa phần là cơ sở nhỏ, quy mô hộ gia đình nên có năng lực quản lý và trình độ tổ chức thấp vì thế luôn tiềm ẩn nguy cơ gây ngộ độc thực phẩm. Mặt khác, do tính phức tạp của công tác đảm bảo ATTP liên quan tới tất cả các cung đoạn của chuỗi cung cấp thực phẩm từ nuôi trồng, thu hoạch, sản xuất, chế biến, bảo quản, lưu thông và tiêu dùng.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2021

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền, các ngành chức năng trong công tác quản lý VSATTP; phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, vai trò tiên phong của các doanh nghiệp; sự tham gia hưởng ứng tích cực của nhân dân, tạo chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về VSATTP. Phân đầu đến năm 2021, các loại thực phẩm được sử dụng hàng ngày như: Gạo, rau, củ, quả; thịt gia súc, gia cầm; thủy sản; thực phẩm chế biến ăn ngay; rượu, bia, nước giải khát, nước uống đóng chai, nước sinh hoạt được kiểm soát chặt chẽ ở tất cả các khâu: sản xuất, bảo quản, chế biến, nhập khẩu, lưu thông, sử dụng trên địa bàn huyện và cơ bản đảm bảo VSATTP.

1. Mục tiêu

- Rà soát, sửa đổi, ban hành các quy hoạch, cơ chế, chính sách, các quy định công nhận mô hình chuỗi ứng thực phẩm an toàn; mô hình chợ, siêu thị, cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn; mô hình bếp ăn tập thể đạt tiêu chí

VSATTP; mô hình xã, thị trấn đạt tiêu chí VSATTP; các văn bản quản lý nhà nước về VSATTP trên địa bàn huyện.

- 100% số xã, thị trấn trên địa bàn huyện đạt tiêu chí an toàn thực phẩm.
- 100% số chợ đạt tiêu chí chợ an toàn thực phẩm.
- 100% sản phẩm thực phẩm sản xuất, chế biến theo mô hình sản xuất lớn, tập trung đáp ứng quy định về VSATTP;
- 90% trở lên sản phẩm thực phẩm cung ứng từ huyện ngoài, tỉnh ngoài vào trong huyện được kiểm soát chặt chẽ, đáp ứng các quy định về VSATTP;
- 80% trở lên thực phẩm tiêu dùng trên địa bàn huyện được cung cấp thông qua các chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng thực phẩm an toàn có xác nhận;
- 100% cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm đáp ứng quy định về điều kiện VSATTP;
- 100% bếp ăn tập thể của các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, nhà hàng, khách sạn, cửa hàng ăn uống đáp ứng quy định về điều kiện VSATTP;
- 100% chợ, cửa hàng kinh doanh thực phẩm trên địa bàn huyện đáp ứng quy định về điều kiện VSATTP;
- 100% số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ tại địa phương ký cam kết sản xuất, kinh doanh đảm bảo an toàn thực phẩm.
- 100% số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ tại địa phương được kiểm tra, giám sát.
- 100% sản phẩm sản xuất, kinh doanh tại địa phương được cấp giấy xác nhận nguồn gốc xuất xứ đối với sản phẩm thực phẩm

2. Nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp chủ yếu

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp đối với công tác bảo đảm an toàn thực phẩm.
 - Triển khai đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.
 - Phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo quản lý về vệ sinh an toàn thực phẩm các cấp; nâng cao trách nhiệm của các ban, ngành liên quan đến công tác bảo đảm ATTP; tổ chức tốt các hoạt động phối hợp liên ngành trong đó ngành Y tế làm đầu mối. Đưa mục tiêu bảo đảm ATTP trở thành mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của từng địa phương trong huyện.
 - Tiếp tục triển khai mạnh mẽ và đồng bộ các hoạt động thông tin, giáo dục và truyền thông nhằm thay đổi hành vi về an toàn thực phẩm; xây dựng và phát triển các kỹ năng truyền thông; nâng cao số lượng, chất lượng các tài liệu và thông điệp truyền thông về an toàn thực phẩm.
 - Tăng cường năng lực, hiệu quả quản lý của hệ thống quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm: củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của Ban chỉ đạo quản lý về VSATTP tại tuyến huyện và xã; tăng cường phối hợp liên ngành trong thanh tra, kiểm tra, kiểm soát về ATTP.
 - Đẩy mạnh công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý triệt để các vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm:
- Tăng cường thanh tra, kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, kinh doanh hóa chất bảo vệ thực vật và các vật tư nông nghiệp, đảm bảo sử dụng đúng chất lượng, chủng loại, liều lượng, thời gian cách ly của các loại vật tư nông nghiệp trong trồng trọt, chăn nuôi, chế biến, bảo quản nông sản thực phẩm.

Kiểm soát chặt chẽ giết mổ và vệ sinh thú y, vệ sinh thủy sản; kiểm tra việc thực hiện các quy định đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi sản xuất.

Tăng cường giám sát, thanh tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, các bếp ăn tập thể và đẩy mạnh giám sát các mối nguy an toàn thực phẩm.

- Thử nghiệm và nhân rộng các mô hình áp dụng thực hành sản xuất tốt trong sản xuất rau, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản gắn với chứng nhận và công bố tiêu chuẩn chất lượng.

- Nâng cao năng lực phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm: Tăng cường năng lực hoạt động của hệ thống giám sát, ghi nhận và phòng ngừa ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

- Kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm, đặc biệt các quy định về điều kiện an toàn thực phẩm của các cơ sở bếp ăn tập thể, cơ sở cung cấp suất ăn sẵn, nhà hàng, khu du lịch, lễ hội, chợ, trường học, quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị có cơ sở dịch vụ ăn uống, kiên quyết không để các cơ sở không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cung ứng dịch vụ ăn uống; xử lý nghiêm các vi phạm.

- Tăng cường công tác cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Xử lý chủ động, nhanh chóng các sự cố khẩn cấp về an toàn thực phẩm, đề xuất kịp thời các biện pháp khắc phục.

- Bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện nhiệm vụ quản lý an toàn thực phẩm;

- Đưa nội dung giáo dục an toàn thực phẩm vào các trường học.

- Xã hội hóa công tác bảo đảm an toàn thực phẩm: Đẩy mạnh xã hội hóa một số khâu dịch vụ kỹ thuật phục vụ công tác quản lý an toàn thực phẩm; phát huy vai trò của các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các tổ chức đoàn thể trong việc tham gia bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Tăng cường đầu tư kinh phí cho công tác bảo đảm an toàn thực phẩm. Xã hội hóa, đa dạng các nguồn lực tài chính và từng bước tăng mức đầu tư cho công tác bảo đảm an toàn thực phẩm.

UBND huyện Quảng Xương báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh năm 2020; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2021 để các sở: Y tế, Nông nghiệp & PTNT, Công thương và Văn phòng điều phối vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh biết, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo các năm tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng ĐP VSATTP tỉnh(báo cáo);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Sở Y tế (b/c);
- Sở Công thương (b/c);
- Chi cục quản lý CL NLTS tỉnh (b/c)
- TTr. HU-HĐND-UBND(báo cáo);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Thế Anh

Phụ Lục 01: Bảng tổng hợp kết quả ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện
(Kèm theo báo cáo số /BC- UBND ngày tháng năm 2020)

STT	Số VB	Ngày BH	Số, ký hiệu	Người ký	Trích yếu
1	38	25/12/2019	38/NQ-HĐND	Lê Huy Kỳ	Hỗ trợ kinh phí chợ kinh doanh thực phẩm được công nhận ATTP
1	838	20/12/2019	838/KH-UBND	Nguyễn Đình Dự	Thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn về ATTP trên địa bàn huyện năm 2020
2	856	27/12/2019	856/KH-UBND	Nguyễn Đình Dự	Triển khai công tác bảo đảm ATTP Tết Nguyên Đán Canh Tý và lễ hội xuân năm 2020
3	866	31/12/2019	866/KH-UBND	Nguyễn Đình Dự	Kiểm tra liên ngành về ATTP trên địa bàn huyện năm 2020
4	71	13/02/2020	71/KH-UBND	Nguyễn Đình Dự	Xây dựng xã, thị trấn ATTP trên địa bàn huyện Quảng Xương năm 2020
5	73	14/02/2020	71/KH-UBND	Mai Khả Hằng	Xây dựng chợ kinh doanh thực phẩm, cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn trên địa bàn huyện Quảng Xương năm 2020
6	194	13/02/2019	194/UBND-NN	Nguyễn Đình Dự	Đăng ký thời gian thẩm định xã , thị trấn ATTP trên địa bàn huyện
7	196	13/02/2019	196/UBND-NN	Nguyễn Đình Dự	Giao thời gian hoàn thành xã , thị trấn ATTP trên địa bàn huyện
8	180	19/03/2020	180/TB-UBND	Nguyễn Đình Dự	Kế hoạch kiểm tra công tác xây dựng và hồ sơ các xã, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện năm 2020
9	1180	19/03/2020	1180/QĐ-UBND	Nguyễn Đình Dự	Thành lập đoàn kiểm tra công tác xây dựng xã, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm năm 2020
10	1192	20/03/2020	1192/QĐ-UBND	Trần Anh Chung	Thành lập tổ thẩm tra xã, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm năm 2020
11	269	31/03/2020	269/KH-UBND	Nguyễn Đình Dự	Lấy mẫu giám sát an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện Quảng Xương năm 2020
12	273	01/04/2020	273/BC-UBND	Đỗ Trí Hòa	Báo cáo kết quả theo dõi, chỉ đạo kiểm tra đôn đốc thực hiện các chỉ thị chương trình kế hoạch của UBND tỉnh, chủ tịch UBND tỉnh ban chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm
13	343	16/04/2020	343/KH-UBND	Nguyễn Đình Dự	Triển khai tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2020
14	348	20/04/2020	348/TB-UBND	Nguyễn Đình Dự	Tiếp tục thực hiện kiểm tra công tác xây dựng và hồ sơ các xã, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện năm 2020
15	1486	13/8/2020	1486/UBND-NN	Hà Thế Anh	Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong việc thực hiện vệ sinh ATTP

STT	Số VB	Ngày BH	Số, ký hiệu	Người ký	Trích yếu
16	1519	18/8/2020	1519/UBND-NN	Hà Thế Anh	Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ công nhận xã ATTP tại Quảng Yên và Quảng long
17	1641	04/9/2020	1641/UBND-NN	Hà Thế Anh	Phối hợp xử lý sản phẩm không đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện
18	1677	10/9/2020	1677/UBND-NN	Hà Thế Anh	Tập trung chỉ đạo, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung Thu năm 2020
19	4943	11/9/2020	4943/QĐ-UBND	Hà Thế Anh	Quyết định số ngày về việc thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về ATTP trong dịp Tết Trung Thu năm 2020
20	5580	12 /10/2020	5580 /QĐ-UBND	Hà Thế Anh	Thành lập đoàn kiểm tra, thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực nông nghiệp
21	5290	02/10/ 2020	5290 /QĐ-UBND	Hà Thế Anh	Kiện toàn Tổ thẩm tra xã, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm huyện Quảng Xương
22	5221	30/ 9/2020	5221/QĐ-UBND	Hà Thế Anh	Kiện toàn Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm huyện Quảng Xương
23	5211	29/9/2020	5211 /QĐ- UBND	Hà Thế Anh	Kiện toàn Văn phòng Điều phối vệ sinh an toàn thực phẩm huyện Quảng Xương

Phụ lục 02: Bảng tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu đảm bảo an toàn thực phẩm
(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND, ngày tháng năm 2020 của UBND huyện)

STT	Nội dung	Chỉ tiêu được giao (Số lượng)	Kết quả thực hiện			Ghi chú
			Chưa thực hiện (số lượng)	Đang thực hiện số lượng)	Đã hoàn thành (số lượng)	
1	Xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn	15		7	8	
2	Thực phẩm tiêu dùng chủ yếu thông qua các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn	Gạo 7.602 tấn; rau, quả 4.002 tấn; thịt gia súc, gia cầm 1.798 tấn; thủy sản (tôm, cá) 1.360 tấn.			Gạo 7.602 tấn (100%); rau, quả 4.002 tấn(100%); thịt gia súc, gia cầm 1.798 tấn(100%); thủy sản (tôm, cá) 1.360 tấn(100%).	
3	Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm đáp ứng các quy định về điều kiện an toàn thực phẩm	01			01	
4	Chợ kinh doanh thực phẩm	16		01	15	
5	Cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn	06			06	
6	Bếp ăn tập thể an toàn					
7	Xã, thị trấn đạt tiêu chí ATTP	24		8	18	

Phụ lục 2.1: Kết quả thực hiện chỉ tiêu thực phẩm tiêu dùng chủ yếu thông qua các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND, ngày tháng năm 2020 của UBND huyện)

STT	Tên Chuỗi sản phẩm	Kết quả thực hiện			
		Số lượng chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng thực phẩm an toàn	Số lượng chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng thực phẩm an toàn có xác nhận	Tổng khối lượng thực phẩm tiêu dùng được cung cấp thông qua các chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng (tấn)	Khối lượng thực phẩm tiêu dùng được xác nhận sản phẩm an toàn (tấn)
1	Chuỗi sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật				
-	Lúa gạo	15	6	11.100	11.100
-	Rau, củ, quả	10	7	6.500	6.500
2	Chuỗi sản phẩm có nguồn gốc từ động vật				
-	Thịt gia súc (lợn, trâu, bò...)	8	4	1.200	1.200
-	Thịt gia cầm (Gà, vịt...)	9	6	1.000	1.600
3	Chuỗi sản phẩm có nguồn gốc thủy sản				
-	Thủy sản tươi sống	6	6	300	700
-	Thủy sản khô	4	3	150	350
-	Sản phẩm chế biến từ thủy sản (Nước mắm, mắm tôm, mắm chua..)	6	6	300	460

Phụ lục 2.2: Kết quả xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND, ngày tháng năm 2020 của UBND huyện Quảng Xương)

Stt	Tên chuỗi sản phẩm	Số lượng chuỗi	Số đơn vị tham gia chuỗi	Diện tích (ha)/quy mô (con...)	Sản lượng chuỗi (tấn/quả/lít)	Đã được cấp Giấy xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn	Thị trường tiêu thụ
1	Chuỗi sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật						
-	Lúa gạo	3	3	150 ha	2130 tấn/năm	1	Công ty TNHH giống cây trồng Bắc Thịnh, Công ty TNHH An Thành Phong
	Rau, củ, quả	2	2	2,4 ha	153,8 tấn/năm	4	Các siêu thị BigC, CorpMat, Tây Thành và chợ đầu mối
2	Chuỗi sản phẩm có nguồn gốc từ động vật trên cạn						
-	Thịt gia súc (lợn, trâu, bò...)	2	2	6.000	90 tấn/năm	3	Trong và ngoài tỉnh
	Thịt gia cầm (Gà, vịt,...)	3	3	30.000	75 tấn/năm	1	Trong và ngoài tỉnh
	Trứng gia cầm (gà, vịt,...)					1	Trong và ngoài tỉnh
3	Chuỗi sản phẩm có nguồn gốc từ thủy sản						
-	Thủy sản tươi sống	4	4	1,4	25,5 tấn tôm; 15 tấn cua; 68 tấn ngao /năm		Trong và ngoài tỉnh
-	Thủy sản khô						Trong và ngoài tỉnh
-	Sản phẩm chế biến từ thủy sản (nước mắm, mắm tôm, mắm, chua,..)	1	1	20.000	20.000 lít	2	
	Tổng cộng	15	15			12	

Phụ lục 2.3: Kết quả thực hiện tiêu chí xã, thị trấn an toàn thực phẩm

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND, ngày tháng năm 2020 của UBND huyện Quảng Xương)

STT	Đơn vị	Đã được công nhận xã ATTP	Đạt 04/04 tiêu chí và đang đề nghị công nhận	Đạt 03/04 tiêu chí	Đạt 02/04 tiêu chí	Đạt 01/04 tiêu chí
1	Quảng Long	x				
2	Quảng Chính		x			
3	Quảng Thái		x			
4	Quảng Thạch			x		
5	Quảng Trung	x				
6	Quảng Ninh	x				
7	Quảng Phúc		x			
8	Quảng Văn	x				
9	Quảng Trường	x				
10	Thị Trấn Tân Phong		x			
11	Quảng Bình	x				
12	Quảng Yên	x				
13	Quảng Ngọc	x				
14	Quảng Nhân	x				
15	Quảng Đức	x				
16	Quảng Lộc	x				
17	Quảng Khê		x			
18	Tiên Trang	x				
19	Quảng Trạch	x				
20	Quảng Định	x				
21	Quảng Hải	x				
22	Quảng Giao	x				
23	Quảng Hợp		x			
24	Quảng Lưu	x				
25	Quảng Hòa		x			
26	Quảng Nham	x				

Phụ lục 03: Bảng tổng hợp kết quả thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND, ngày tháng năm 2020 của UBND huyện)

STT	Hoạt động thông tin tuyên truyền	Nội dung	Số lượng	Đối tượng	Số người tham dự/phạm vi bao phủ
1	Phát thanh	<i>Công tác truyền thông, giáo dục chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm</i>	3.200	Nhân dân và người kinh doanh	650.000
2	Nói chuyện	<i>Tổ chức các hội thi, bài viết, sân khấu hóa phổ biến pháp luật về An toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật;</i>	311	<i>Người quản lý, sản xuất, nuôi trồng, kinh doanh</i>	55.000
3	Hội nghị	Hội nghị có nội dung về an toàn thực phẩm	12	Cán bộ chủ chốt huyện, xã	2.500
4	Nói chuyện	<i>Lựa chọn, bảo quản thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm</i>	100	<i>cán bộ, nhân dân nhất là những cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm</i>	15.000
5	Phát thanh	<i>Hướng dẫn cách chọn mua, chế biến, bảo quản và tiêu dùng thực phẩm an toàn, nâng cao vai trò trách nhiệm, tầm quan trọng của việc thực hiện tốt các quy định về vệ sinh cơ sở, vệ sinh trang thiết bị, dụng cụ chế biến thực phẩm, vệ sinh cá nhân trong việc phòng ngừa nguy cơ ô nhiễm thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm.</i>	800	<i>cán bộ, nhân dân nhất là những cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm</i>	81.000
6	Hội nghị	<i>Tuyên truyền, phổ biến, giám sát việc thực hiện điều kiện cơ sở kiến thức và sức khỏe của người trực tiếp chế biến thực phẩm, vệ sinh an toàn trong chế biến, vận chuyển, bảo quản, kinh doanh, sử dụng thực phẩm và phụ gia thực phẩm góp phần giảm thiểu ngộ độc thực phẩm.</i>	19	Người dân	3.750
7	Bài viết	<i>Biểu dương các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia các hoạt động bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đồng thời phê phán, đưa tin các đơn vị, cá nhân vi phạm các quy định pháp luật về bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.</i>	100	Người dân	28.000
8	Phát thanh	<i>Các quy định về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, quy định về khám</i>	120	Người dân	350.000

		<i>sức khỏe cho người trực tiếp chế biến thực phẩm, kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm</i>			
9	Phát thanh	<i>Các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.</i>	50	Người dân	135.000
10	Băng rôn, khẩu hiệu	<i>Tuyên truyền về công tác vệ sinh an toàn thực phẩm</i>	30		90
11	Băng đĩa	<i>Tuyên truyền về công tác vệ sinh an toàn thực phẩm</i>	80		250.000
12	Tập huấn	<i>Các yêu cầu cơ bản trong kinh doanh thuốc thú y, thuốc BVTV, thức ăn chăn nuôi, vật tư nông nghiệp</i>	14	<i>chủ đại lý kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi trên địa bàn huyện</i>	1.850
13	Tập huấn	<i>Triển khai công tác VS ATTP năm 2019, tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm</i>	05	<i>Chủ tịch, cán bộ theo dõi VS ATTP các xã, thị trấn; Ban quản lý các chợ, chủ các cửa hàng kinh doanh thực phẩm.</i>	750
14	Tập huấn	<i>hướng dẫn xây dựng chợ ATTP và công tác chuyên đổi chợ, tập huấn kiến thức về ATTP</i>	02	<i>Chủ tịch, cán bộ theo dõi VS ATTP các xã, thị trấn.</i>	135
15	Tập huấn	<i>Công tác xây dựng xã, thị trấn đạt tiêu chí ATTP năm 2020</i>	02	<i>Chủ tịch, cán bộ theo dõi VS ATTP các xã, thị trấn.</i>	70

Phụ lục 04: Kết quả quản lý điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND, ngày tháng năm 2020 của UBND huyện)

STT	Lĩnh vực SX, KD thực phẩm	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP				Cấp giấy cam kết sản xuất thực phẩm an toàn			Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc, xuất xứ			Cấp giấy chứng nhận kiến thức ATTP		
		Tổng số CS thuộc phạm vi quản lý	Tổng số cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy	Số cơ sở đã được cấp giấy		Tổng số cơ sở thuộc phạm vi quản lý	Số cơ sở đã được cấp		Số cơ sở được cấp	Tổng số giấy đã được cấp	Khối lượng sản phẩm được cấp (kg)	Tổng số hồ sơ xin cấp	Số giấy đã được cấp	
				Tổng số	Tỷ lệ (%)		Tổng số	Tỷ lệ (%)					Tổng số	Tỷ lệ (%)
1	Ngành Y tế	244	244	244	100	53	53	100				540	540	100
2	Ngành NN&PTNT	41	41	40	98	5	5	100	3.855	25.000		520	520	100
-	Gạo										7.602.000			
-	Rau, quả										4.002.000			
-	Thịt gia súc, gia cầm										1.798.000			
-	Thủy sản										1.360.000			
3	Ngành công thương	85	85	72	85	55	55	100				500	500	100

Phụ lục 05: Bảng tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND, ngày tháng năm 2020 của UBND huyện)

TT	Hình thức thanh tra, kiểm tra	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra	Thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch									Thanh tra, kiểm tra đột xuất								
			Số cuộc thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở đạt yêu cầu		Số cơ sở vi phạm bị cảnh cáo		Số cơ sở vi phạm bị phạt tiền			Số cuộc thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở đạt yêu cầu		Số cơ sở vi phạm bị cảnh cáo		Số cơ sở vi phạm bị phạt tiền		
					Số cơ sở	Tỷ lệ (%)	Số cơ sở	Tỷ lệ (%)	Số cơ sở	Tỷ lệ (%)	Tổng số tiền phạt (Tr Đ)			Số cơ sở	Tỷ lệ (%)	Số cơ sở	Tỷ lệ (%)	Số cơ sở	Tỷ lệ (%)	Tổng số tiền phạt (Tr Đ)
1	Liên ngành	05	05	360	360	100						02	250	22 7	91	23	8			
2	Chuyên ngành	04	04	750	750	100						03	180	14 4	80	36	20			
3	Tổng cộng	09	09	1.110	1.110							05	430							

Phụ lục 06: Kết quả thành lập Ban nông nghiệp xã, tổ giám sát an toàn thực phẩm

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND, ngày tháng năm 2020)

Stt	Tên xã, thị trấn	Kết quả thực hiện				
		Thành lập Ban nông nghiệp xã		Thành lập tổ giám sát an toàn thực phẩm		
		Đã thành lập	Giao đơn vị làm đầu mối (*)	Tổng số Tổ giám sát được thành lập	Số lượng Tổ giám sát thôn/bản/phố được thành lập	Số lượng Tổ giám sát tại chợ được thành lập
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (6) + (7)	(6)	(7)
1	Quảng Long			4	3	1
2	Quảng Chính			7	6	1
3	Quảng Thái			11	10	1
4	Quảng Thạch			7	6	1
5	Quảng Trung			6	5	1
6	Quảng Ninh			5	5	
7	Quảng Phúc			6	2	
8	Tiên Trang			13	5	
9	Quảng Văn			6	5	1
10	Quảng Trường			5	4	1
11	Thị Trấn Tân Phong			25	4	1
12	Quảng Bình			6	5	1
13	Quảng Yên			8	7	1
14	Quảng Ngọc			10	9	1
15	Quảng Nhân			7	6	1
16	Quảng Đức			7	6	1
17	Quảng Lộc			4	3	1
18	Quảng Khê			6	6	
19	Quảng Trạch			8	7	1
20	Quảng Định			7	7	
21	Quảng Hải			9	8	1
22	Quảng Giao			8	7	1
23	Quảng Hợp			7	6	1
24	Quảng Lưu			7	6	1
25	Quảng Hòa			8	7	1
26	Quảng Nham			14	13	1
Cộng				211	190	21

Phụ lục 07: Bảng tổng hợp kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn và hoạt động quản lý ATTP (Kèm theo Báo cáo số /UBND-NN ngày tháng 4 năm 2020 của UBND huyện Quảng Xương)
 ĐVT: Đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
1	Hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn	0	500.000.000	0
2	Hỗ trợ hoạt động quản lý ATTP	0	100.000.000	0
....				

